

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

Bản án số: 10/2020/HC-PT

Ngày: 09/5/2020

V/v: Khiếu kiện quyết định  
hành chính trong lĩnh vực đất đai.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quảng O

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kiều T

Bà Mai Văn A

- Thư ký phiên tòa: Bà Chữ Thị Bích L - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân TP Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:  
Bà Đỗ Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 43/2019/HC-PT ngày 03/12/2019 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả” do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 20/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐPT-HC ngày 24/02/2020, giữa các đương sự:

\* Người khởi kiện: Bà Đặng Thị N sinh năm 1965

Cư trú tại: Thôn Nội Am, xã L, huyện T, thành phố H

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà N : Luật sư Dương Lê Ước A, Công ty Luật TNHH Đại An P - Đoàn luật sư thành phố H .

\* Người bị kiện: Chủ tịch UBND xã L, huyện T, thành phố H .

Trụ sở: Xã L, huyện T, thành phố H .

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1963

Chủ tịch UBND xã L

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện và các bản khai tại Tòa án, người khởi kiện bà Đặng Thị N trình bày:

Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 10 năm 1994 (một phần thửa số 224, tờ bản đồ số 02 năm 1986) tại thôn Nội A, xã L, Thanh T, H thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình bà Đặng Thị N do được thừa hưởng của tổ tiên để lại và gia đình bà N là thế hệ thứ 5 liên tục sinh sống tại thửa đất này. Hiện trạng thửa đất ban đầu là đất thổ cư nên đã được UBHC tỉnh H cấp chứng thực đăng bộ số 141 ngày 17/3/1942 mang tên Hoàng Thu L (cụ L là bà nội chồng của bà Đặng Thị N).

Quá trình quản lý, sử dụng thửa đất, khoảng những năm 1970, gia đình bà N đào đất để tôn nền và đóng gạch xây dựng nhà ở nên hiện trạng thửa đất là ao và được gia đình bà N sử dụng để thả cá. Khoảng năm 2000-2001, gia đình bà N tiến hành san lấp 420m<sup>2</sup> đất trong thửa 44 (do 1/2 thửa đất đã được phân chia cho ông Hoàng Trọng L là chú chồng của bà N, con trai của cụ L theo di chúc của cụ L) và sử dụng làm nơi chăn nuôi và trồng cây lâu năm. Do có sự sai sót trong quá trình quản lý hồ sơ địa chính của UBND xã L đã ghi tên chủ sử dụng là T + C (ông C là anh em họ với cụ Hoàng Văn T, ông nội chồng bà N) dẫn đến việc gia đình ông C kiện đòi 288m<sup>2</sup> trong thửa đất số 44, tờ bản đồ số 10 từ năm 2003 cho đến nay.

Liên tục từ năm 2015, gia đình bà N đã tiến hành xây dựng nhà tạm dựng bằng khung thép, mái lợp tôn trên thửa đất số 44, tờ bản đồ số 10 thì bị UBND xã L đình chỉ xây dựng hoặc phá dỡ với lý do xây dựng không có giấy phép. Tháng 6 năm 2018, bà N tiếp tục xây dựng nhà tạm với hiện trạng tường xây kết hợp với khung xương bằng thép, xung quanh vây tôn, mái lợp tôn để làm nhà xưởng cho thuê trên diện tích 420m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 44, tờ bản đồ số 10 thì Chủ tịch UBND xã L ban hành Quyết định hành chính số 192/QĐ-XPVPHC ngày 08/10/2018 xử phạt hành chính (gọi tắt là quyết định 192) việc xây dựng của bà N với hình thức phạt tiền là 1.500.000 đồng và yêu cầu bà N khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định.

Ngày 15/10/2018, bà N nộp đơn khiếu nại quyết định số 192 nêu trên nhưng chưa được giải quyết thì ngày 27/10/2018, Chủ tịch UBND xã L ban hành quyết định số 200/QĐ-CCXP quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (gọi tắt là quyết định số 200) đối với việc bà N. Ngày 30/10/2018 bà N nộp đơn khiếu nại quyết định hành chính số 200 nêu trên tại UBND xã L nhưng chưa được giải quyết.

Ngày 25/12/2018 bà N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện T yêu cầu hủy các quyết định hành chính số 192 và số 200 của Chủ tịch UBND xã L và yêu cầu Chủ tịch UBND xã L phải xin lỗi công khai do các quyết định hành chính không đúng thẩm quyền, đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà N.

Bà N cam đoan không khiếu nại các quyết định hành chính đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

\* Người bị kiện là Chủ tịch UBND xã L trình bày:

Hồ sơ địa chính do UBND xã L đang lưu giữ thể hiện về thửa đất gia đình bà Đặng Thị N đang quản lý như sau:

- Bản đồ địa chính đo đạc theo chỉ thị 299 là thửa số 224, tờ bản đồ số 02 diện tích 1240m<sup>2</sup>, một phần thửa đất được vẽ bằng nét đứt và ghi rõ Ao. Sổ địa chính lập theo bản đồ này có ghi: Loại đất thổ cư, chủ sử dụng Hoàng Văn Tường, nguồn gốc sử dụng: Cha ông để lại, mục đích sử dụng: Đất ở, phần ghi thêm: Xin chia tách. Sổ địa chính không có xác nhận ký tên, đóng dấu của UBND xã L. Sổ mục kê lập theo bản đồ này có ghi: Tên chủ sử dụng: Hoàng Văn T, xứ đồng: Nội A, loại đất thổ cư + Ao. Sổ mục kê được UBND xã L ký tên xác nhận và đóng dấu.

- Bản đồ địa chính năm 1994 đã tách thửa 224 (theo bản đồ 299) thành thửa 40, 43 và thửa 44 cùng tờ bản đồ số 10, trong đó phần diện tích đất có công trình xây dựng của bà N bị cưỡng chế là thửa số 44. Sổ mục kê lập theo bản đồ 1994 có

ký tên đóng dấu của Chủ tịch UBND xã L thể hiện thửa đất số 44 tờ bản đồ số 10, chủ sử dụng: T + C, diện tích các loại đất: Ao hồ 848m<sup>2</sup>.

- Hồ sơ giải quyết đơn thư của UBND xã L đang lưu giữ về thửa đất do gia đình bà N đang sử dụng thể hiện: Từ năm 2003, giữa cụ Hoàng Văn C và cụ Hoàng Thị L đã có đơn tranh chấp về thửa đất ao nêu trên tại Tòa án nhân dân huyện T và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án, chuyển hồ sơ sang UBND huyện T giải quyết theo thẩm quyền nhưng đến nay chưa có kết quả giải quyết cuối cùng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Từ năm 2016 đến nay UBND xã L vẫn đang giải quyết đơn của ông Hà Ngọc Đ (là người đại diện theo ủy quyền của ông C, ông Q) tranh chấp diện tích 288m<sup>2</sup> trong thửa đất số 44 nêu trên.

Quá trình quản lý đất đai tại địa phương, gia đình bà Đặng Thị N đã nhiều lần có hành vi xây dựng trên thửa đất 44, tờ bản đồ số 10, đã được UBND xã yêu cầu tạm dừng xây dựng và đã có kế hoạch tổ chức cưỡng chế nhưng chưa thực hiện được do chưa đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Đến nay, bà N tiếp tục vi phạm.

Ngày 01/10/2018, tổ công tác trật tự xây dựng của UBND xã L kiểm tra, phát hiện bà N đã tiến hành xây dựng xong 01 nhà tạm trên thửa số 44 với hiện trạng công trình xây dựng là nhà khung sắt quay tôn xung quanh, mái lợp tôn có diện tích xây dựng 200m<sup>2</sup> và đang hoàn thiện (đã dựng khung kèo thép, quay tôn nhưng chưa lợp mái) 01 nhà tạm có diện tích 180m<sup>2</sup> (tại vị trí giáp đường làng) nên tổ công tác đã lập biên bản vi phạm hành chính về đất đai kèm theo sơ đồ vị trí.

Ngày 08/10/2018, Chủ tịch UBND xã L đã ban hành quyết định số 192/QĐ-UBND xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Đặng Thị N, có nội dung:

“ Điều 1: Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Đặng Thị N, địa điểm tại thôn Nội Am, xã L, huyện T, thành phố H đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Bà Đặng Thị N tự ý xây dựng công trình trên đất nông nghiệp thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 10 (Bản đồ đo năm 1994), một phần diện tích thửa đất này đang có tranh chấp....quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 102/201/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục như sau:

- Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền với mức phạt là 1.500.000 đồng

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Yêu cầu bà Đặng Thị N khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm

Thời gian thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định...”

Hết thời hạn 10 ngày để bà N tự nguyện khắc phục hậu quả theo nội dung của quyết định hành chính số 192 nêu trên nhưng bà N không thực hiện nên ngày 27/10/2018, Chủ tịch UBND xã L ban hành quyết định số 200/QĐ-CCXP quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả có nội dung:

“ Điều 1: Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với:

1. Họ và tên: Đặng Thị N      Giới tính: Nữ

Số chứng minh thư nhân dân 013566175 do Công an thành phố H cấp ngày 31/8/2012

Nơi ở hiện nay: Thôn Nội A, xã L , huyện T , H.

2. Phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 102/201/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai...

Điều 2: Thời gian thực hiện: 60 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này...”

Sau khi ban hành 02 quyết định hành chính nêu trên, UBND xã L đã nhận được đơn khiếu nại của bà Đặng Thị N khiếu nại đối với quyết định hành chính số 192 và quyết định số 200.

Ngày 23/11/2018, UBND xã L ban hành quyết định số 220/QĐ-CTUBND và quyết định số 221/QĐ-CTUBND không chấp nhận khiếu nại của bà Đặng Thị N , giữ nguyên nội dung quyết định số 192 và quyết định số 200 của Chủ tịch UBND xã L .

Người bị kiện khẳng định, các quyết định số 192 và 200 được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của người khởi kiện, giữ nguyên hiệu lực của quyết định hành chính số 192/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 và quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 27/10/2018.

\* Tại bản án hành hành chính sơ thẩm số 01/2019/HCST ngày 20/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định như sau:

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 192/QĐ-XPVPHC ngày 08/10/2018 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Quyết định số 200/QĐ-CCVP ngày 27/10/2018 về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND xã L , huyện T , thành phố H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí của các đương sự.

\* Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, ngày 04/10/2019 bà N nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà là hủy Quyết định số quyết định hành chính số 192/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 và Quyết định số 200/QĐ- UBND ngày 27/10/2018 của Chủ tịch UBND xã L , huyện T , thành phố H .

\* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Đặng Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

- Luật sư Dương Lê Ước A, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N sau khi phân tích đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp yêu cầu khởi kiện của bà N .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hành chính.

Xét kháng cáo của bà N là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà N, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của Luật sư và của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 08/10/2018, Chủ tịch UBND xã L ban hành Quyết định số 192/QĐ-XPVPHC áp dụng hình thức xử phạt là phạt tiền với mức phạt 1.500.000 đồng, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu và ngày 27/10/2018 Chủ tịch UBND xã L ban hành Quyết định số 200/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Đặng Thị N.

Đây là quyết định hành chính của người có thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý đất đai và thuộc đối tượng khởi kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính.

Không đồng ý với các quyết định của Chủ tịch UBND xã L, ngày 14/12/2018, bà N nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Quyết định số 192/QĐ-XPVPHC và ngày 25/12/2018 có đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 200/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND xã L là còn thời hiệu và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính và khoản 5 Điều 1 Nghị quyết 104/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

[2] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị N:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 192/QĐ-XPVPHC ngày 08/10/2018 về việc áp dụng hình thức xử phạt là phạt tiền, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu (viết tắt là Quyết định 192) và quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 27/10/2018 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (viết tắt là Quyết định 200) của Chủ tịch UBND xã L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1.1] Về thẩm quyền và thủ tục ban hành Quyết định 192 và Quyết định 200:

Theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 28; điểm b, d khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 thì Chủ tịch UBND cấp xã có quyền áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu, phạt tiền không quá 5.000.000 đồng và ra quyết định cưỡng chế.

Theo quy định tại Điều 36 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2016 thì Chủ tịch UBND có thẩm quyền ra quyết định đối với các vấn đề thuộc nhiệm vụ quyền hạn của UBND cấp mình.

Như vậy, việc Chủ tịch UBND xã L ban hành Quyết định số 192 ngày 8/10/2018 và Quyết định số 200 ngày 27/10/2018 là đúng thẩm quyền.

[2.1.2] Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định hành chính:

Ngày 01/10/2018, Tổ công tác UBND xã L đã lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với bà Đặng Thị N tại thôn Nội A, xã L, huyện T, thành phố H. Tại thời điểm lập biên bản vi phạm, chủ công trình xây dựng là bà N không có mặt nhưng tổ công tác kiểm tra vi phạm có đại diện UBND xã L, các cán bộ chuyên môn của UBND xã và sự tham gia chứng kiến của Trưởng thôn và Bí thư chi bộ của thôn Nội A (nơi địa điểm có công trình vi phạm), đồng thời tổ công tác có mời người làm chứng là hàng xóm của gia đình bà N nhưng họ từ chối xác nhận để tránh mâu thuẫn với gia đình bà N.

Sau thời điểm lập biên bản vi phạm nêu trên, bà N không có ý kiến, không gửi văn bản giải trình về việc xây dựng công trình nhà tạm, không phối hợp với UBND xã L tại các buổi làm việc do UBND xã tổ chức vào các ngày 02 và 03/10/2018.

Ngày 08/10/2018, Chủ tịch UBND xã L căn cứ biên bản vi phạm và các hồ sơ có liên quan đã ban hành Quyết định số 192/QĐ-XPVPHC ngày 08/10/2018, áp dụng biện pháp xử phạt hành chính đối với bà Đặng Thị N với hình thức xử phạt bà Đặng Thị N 1.500.000 đồng vì đã có hành vi xây dựng trên đất nông nghiệp, một phần thửa đất đang có tranh chấp và buộc bà N trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm.

Ngày 10/10/2018, Tổ công tác của UBND xã đã bàn giao Quyết định số 192 cho bà Đặng Thị N. Bà N đã nhận được quyết định hành chính số 192 nhưng không ký biên bản giao nhận. Như vậy, quyết định số 192/QĐ-XPVPHC ngày 08/10/2018 của Chủ tịch UBND xã L được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 58, 59, 65, 66 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012.

Do gia đình bà N không tự nguyện thi hành Quyết định nêu trên nên ngày 27/10/2018 UBND xã L đã ban hành Quyết định số 200/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 29/10/2018, UBND xã L đã bàn giao Quyết định số 200/QĐ-CCXP cho bà Đặng Thị N, bà N có mặt nhận Quyết định nhưng không ký biên bản. Tổ công tác tiến hành niêm yết tại công trình vi phạm. Mặt khác UBND xã gửi dịch vụ chuyển phát nhanh Quyết định số 200/QĐ-CCXP cho bà Đặng Thị N.

Như vậy, Quyết định số 200/QĐ-CCXP ngày 27/10/2018 của Chủ tịch UBND xã L được ban hành đúng trình tự và thủ tục theo quy định tại các Điều 86, 88 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012.

[2.1.3] Về nội dung Quyết định số 192 và Quyết định số 200:

Biên bản vi phạm hành chính do Tổ công tác trật tự xây dựng của UBND xã L thiết lập ngày 01/10/2018 đã xác định bà Đặng Thị N có hành vi xây dựng công trình nhà tạm trên diện tích đất nông nghiệp và một phần thửa đất đang có tranh chấp.

- Xét căn cứ bà Đặng Thị N có hành vi xây dựng công trình nhà tạm trên diện tích đất nông nghiệp

Hội đồng xét xử xét thấy:

Hồ sơ địa chính về thửa đất có công trình xây dựng của bà N thể hiện: Trích lục bản đồ địa chính đo đạc theo chỉ thị 299 thể hiện thửa số 224, tờ bản đồ số 02 diện tích 1240m<sup>2</sup> có một phần được vẽ bằng nét đứt và ghi “Ao”.

Các sổ mục kê lập theo hệ bản đồ 299 và bản đồ năm 1994 có xác nhận đóng dấu của UBND xã L đều thể hiện loại đất ao. Các sổ địa chính lập theo bản đồ 229 năm 1986 có phản ánh thửa đất của bà N là đất thổ cư nhưng các sổ này chưa được xét duyệt, đóng dấu xác nhận của UBND xã L là cơ quan quản lý đất đai tại địa phương. Hồ sơ địa chính (được mô tả nêu trên) do UBND xã L cung cấp hoàn toàn phù hợp với hồ sơ địa chính đang được lưu giữ tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H -Chi nhánh huyện T .

Bà Đặng Thị N khẳng định thửa đất số 224 diện tích 1240m<sup>2</sup> đất của gia đình bà N là đất thổ cư với lý do thửa đất này đã được cấp chứng thực đăng bộ cho cụ Hoàng Thu L (Cụ L là bà nội chồng của bà N ) và chứng thực đăng bộ chỉ công nhận quyền sở hữu đối với đất thổ cư. Tuy nhiên, các thửa đất được phản ánh tại chứng thực đăng bộ không ghi rõ loại đất, mục đích sử dụng đất, tại UBND xã L không còn lưu giữ bất kỳ hệ bản đồ nào trước thời kỳ đo đạc hệ bản đồ 299 và bản đồ năm 1994 (được trích dẫn ở trên) nên không có cơ sở xác định các thửa đất được ghi nhận tại chứng thực đăng bộ đều là đất thổ cư như lời khai và quan điểm của bà N .

Tại phiên đối thoại ngày 03/9/2019, bà N có lời khai: Khoảng những năm 1970, gia đình bà N đã đào đất để đóng gạch và tôn cao nền nhà nên hiện trạng thửa đất này mới thành ao. Đến năm 2001-2002, gia đình bà N mới tiến hành san lấp ao và trồng cây lâu năm trên diện tích đất này.

Như vậy, theo lời khai xác nhận nêu trên của bà N thì từ những năm 1970 (trước thời kỳ đo đạc bản đồ 299 và bản đồ năm 1994), hiện trạng sử dụng đất của gia đình bà N là đất ao là phù hợp với sổ sách địa chính được lập theo từng thời kỳ năm 1986 và năm 1994.

Nội dung này cũng phù hợp với phù hợp với:

Đơn xin xác nhận đề ngày 08/10/2004 của cụ Hoàng Thị L (do bà N giao nộp ngày 27/6/2019) có nội dung: “Gia đình tôi có thửa đất ao số 44, tờ bản đồ số 10 thuộc bản đồ địa chính năm 1994 của xã L ...”; phù hợp với đơn khiếu nại và đề nghị giải quyết của bà Đặng Thị N gửi UBND huyện T : “Cụ N là con trưởng nên được cụ tổ Hạ giao cho phân ao làm hương hỏa lo giỗ tết, sau đó cụ N để lại cho cụ T...”; phù hợp với nội dung di chúc ngày 15/7/2005 của cụ Hoàng Thị L có ghi: “Cháu Hoàng Thanh M được thừa hưởng thửa 40 diện tích 450m<sup>2</sup> và 1/2 ao chia theo Bắc-Nam hướng phía Đông, con trai Hoàng Trọng L được hưởng thửa 43 diện tích 483m<sup>2</sup>, 1/2 ao thửa 44 diện tích 420m<sup>2</sup> chia dọc Bắc-Nam hướng phía Tây và phù hợp với đơn đề nghị đề ngày 07/5/2007 của cụ Hoàng Thị L xác nhận: “Tôi là chủ sử dụng thửa đất ao thửa số 44 diện tích 840m<sup>2</sup> tờ số 10...”.

Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định thửa đất số 44, tờ bản đồ số 10 năm 1994 là đất ao.

Căn cứ quy định tại Điều 17 Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND thành phố H ban hành quy định một số nội dung về đăng ký,

cấp giấy chứng nhận QSD đất...chuyển mục đích sử dụng đất vườn, ao liền kề thì: “Đất vườn, ao liền kề với đất ở là đất nằm trong cùng một thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở thuộc khu dân cư và được xác định là đất nông nghiệp”.

Vì vậy, việc bà N xây dựng trên diện tích đất nông nghiệp khi chưa được chuyển đổi mục đích sử dụng đất là vi phạm nghĩa vụ của người sử dụng đất được quy định tại khoản 1 Điều 170 Luật Đất đai và thuộc trường hợp bị áp dụng hình thức xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Xét căn cứ bà Đặng Thị N có hành vi xây dựng công trình nhà tạm trên một phần thửa đất đang có tranh chấp

Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà N không thừa nhận có việc tranh chấp quyền sử dụng một phần thửa đất số 44 tờ bản đồ số 10 năm 1994 (diện tích tranh chấp là 288m<sup>2</sup>) đối với ông Hoàng Văn C, với lý do ông C không có bất kỳ giấy tờ gì chứng minh quyền sở hữu tài sản đối với thửa đất của gia đình bà N .

Theo các tài liệu do Phòng tài nguyên và môi trường huyện T cung cấp, thửa đất có công trình bị cưỡng chế có tranh chấp giữa cụ Hoàng Thị L và ông Hoàng Văn C từ năm 2003-2006 do cụ Liễu và ông Cánh có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện T và Tòa án đã ban hành Quyết định số 10/2006/QĐST -ĐC ngày 11/8/2006 về việc Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất theo đơn khởi kiện của ông Hoàng Văn C, Hoàng Văn Q với bị đơn là cụ Hoàng Thị L và chuyển hồ sơ sang UBND huyện T giải quyết theo thẩm quyền.

Sau đó, UBND huyện T không ban hành quyết định giải quyết tranh chấp giữa các bên do thửa đất các bên tranh chấp đã được cấp chứng thực đăng bộ năm 1942 mang tên cụ Hoàng Thị L, các bên liên quan đến tranh chấp xuất trình san thư năm 1953 và nhiều văn bản phân chia quyền sở hữu tài sản là thửa đất số 44, tờ bản đồ số 10. Do vậy, UBND huyện T đã có văn bản số 458/UBND-TN&MT ngày 19/4/2016 hướng dẫn ông Hoàng Văn C, Hoàng Văn Q hoàn thiện hồ sơ, trình tự thủ tục xin cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với 288m<sup>2</sup> đất ao trong thửa 44 tờ bản đồ số 10 diện tích 848m<sup>2</sup>, văn bản số 1174/UBND-TN&MT ngày 14/6/2018 trả lời đơn của bà Đặng Thị N đã hướng dẫn bà N liên hệ với Tòa án nhân dân huyện T để được giải quyết tranh chấp theo thẩm quyền.

Theo sổ nhận đơn khởi kiện của Tòa án nhân dân huyện T năm 2018, 2019 thể hiện: Ngày 02/02/2018 bà N nộp đơn khởi kiện vụ án dân sự yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với bị đơn là ông Hoàng Văn C và đã được trả lại đơn khởi kiện do chưa bổ sung đủ tài liệu chứng cứ. Ngày 06/4/2018, bà N nộp lại đơn khởi kiện tranh chấp đất đai đối với bị đơn là ông Hoàng Văn C sau đó bà N rút đơn khởi kiện.

Ngày 15/5/2018, bà N nộp đơn khởi kiện tranh chấp đất đai sau đó rút đơn khởi kiện. Ngày 25/12/2018 bà N nộp lại đơn khởi kiện yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với bị đơn là ông Hoàng Văn C. Ngày 03/6/2019 Tòa án nhân dân



huyện T đã thụ lý vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất số 73/2019/TLST-DS, giữa nguyên đơn là bà Đặng Thị N và bị đơn là ông Hoàng Văn C.

Với những diễn biến nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định tại thời điểm bà N xây dựng nhà tạm khung xương bằng sắt, mái lợp tôn trên thửa đất số 44 tờ bản đồ số 10 thì thửa đất đang có tranh chấp giữa gia đình bà N với gia đình ông C.

Như vậy, với lý do bà N xây dựng trên đất nông nghiệp và xây dựng khi thửa đất đang có tranh chấp theo diễn biến phân tích nêu trên, là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 102/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Chủ tịch UBND xã L đã ban hành Quyết định xử phạt hành chính số 192/QĐ-XPVPHC ngày 08/10/2018 là có căn cứ pháp lý.

Theo quy định tại Điều 1 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 192, bà N có trách nhiệm thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm trong thời hạn 10 ngày.

Tuy nhiên, sau 10 ngày kể từ ngày tổ công tác của UBND xã đã bàn giao Quyết định số 192 cho bà Đặng Thị N nhưng bà N vẫn chưa tự khắc phục hậu quả là vi phạm quy định tại Điều 73 luật xử lý vi phạm hành chính.

Chính vì vậy ngày 27/10/2018, Chủ tịch UBND xã L tiếp tục ban hành Quyết định số 200/QĐ-CCXP về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Như vậy, việc ban hành Quyết định hành chính số 200 của Chủ tịch UBND xã L là phù hợp với các Điều 86, 87, 88 Luật xử phạt vi phạm hành chính, nội dung Quyết định hành chính số 200 phù hợp với quy định tại Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Quyết định hành chính số 200 do Chủ tịch UBND xã L ban hành là hoàn toàn hợp pháp, có căn cứ thực tế và căn cứ pháp lý.

Từ những phân tích và dẫn chiếu các quy định của pháp luật như đã nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy nội dung Quyết định số 192/QĐ-XPVPHC ngày 08/10/2018 về việc xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 200/QĐ-CCXP về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND xã L đối với bà Đặng Thị N phù hợp với quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị N.

Do các Quyết định số 192, 200 của Chủ tịch UBND xã L đối với bà Đặng Thị N đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục, nội dung nên việc bà N yêu cầu người bị kiện công khai xin lỗi và bồi thường thiệt hại không được chấp nhận.

Luận cứ của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đặng Thị N không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, không phù hợp với pháp luật nên không được chấp nhận.

Kết luận của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3] Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Giữ nguyên như quyết định của bản án sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị N không được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 5 Điều 1 Nghị quyết 104/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;

- Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015;

- Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 28; điểm b, d khoản 1 Điều 38, Điều 58, 59, 65, 66, 73, 86, 87, 88 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 170 Luật Đất đai

- Căn cứ Điều 17 Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội;

- Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

- Căn cứ Điều 36 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2016;

- Căn cứ khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 34 Nghị định 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**Xử:** Giữ nguyên Bản án hành hành chính sơ thẩm số 01/2019/HCST ngày 20/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện T và quyết định cụ thể như sau:

[1] Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N hủy các Quyết định số 192/QĐ-XPVPHC ngày 08/10/2018 về việc xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 200/QĐ-CCXP ngày 27/10/2018 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND xã L đối với bà Đặng Thị N.

Quyết định số 192/QĐ-XPVPHC ngày 08/10/2018 về việc xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 200/QĐ-CCXP ngày 27/10/2018 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND xã L đối với bà Đặng Thị N có hiệu lực thi hành.

[2] Bác các yêu cầu khác của bà Đặng Thị N.

[3] Về án:

- Về án phí sơ thẩm: Bà Đặng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại Biên lai số 0008614 ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Bà N đã nộp xong án phí hành chính sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: Bà Đặng Thị N phải chịu và 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại Biên lai số 0009210 ngày 04/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Bà Đặng Thị N đã nộp xong án phí hành chính phúc thẩm.

Án xử công khai, phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 09/5/2020./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- VKSND TP H ;
- UBND TP Hà Nội;

- TAND huyện T ;
- VKSND huyện T ;
- THADS huyện T ;
- Các đương sự;
- Lưu HS/VP./.

**Đỗ Quảng O**

